Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH LONG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 09 - 11 - 2026 16:13:39

PHỤ LỤC IV: TỔNG HỢP PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN TOÀN TỈNH

(Kèm theo báo cáo số 507/UBND-BC ngày 09 tháng 11 năm 2026 của UBND xã)

Stt	NỘI DUNG	ĐVT	Từ đầu năm 2026 đến nay	Cùng kỳ năm 2025	So sánh (+ tăng, - giảm)	Ghi chú
A	**TÌNH HÌNH VI PHẠM PHÁP LUẬT**					
I	**Số vụ tồn năm trước chuyển qua**	**vụ**				
II	**Tổng số vụ vi phạm**	**vụ**	**7**	**2**	**Tăng**	**5 vụ**
1	Vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng	vụ				
2	VP quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản	Vụ	1		+	1
3	Vi phạm các QĐ về quản lý, BV động vật rừng	Vụ				
	Số lượng	Con				
4	Vi phạm các QĐ của nhà nước về PCCCR gây CR	vụ	1		+	**1**
-	Diện tích	ha				
5	Phá rừng trái pháp luật	Vụ	1		+	1
-	Diện tích	ha				
6	Khai thác rừng trái pháp luật	Vụ				
-	Khối lượng gỗ các loại tròn, quy tròn	m3				
-	Đối với gốc, rễ - khối lượng:	tấn				
-	Lâm sản ngoài gỗ	kg				
-	Đối với củi	Ster				
7	Vận chuyển lâm sản trái pháp luật	Vụ	3		+	3
-	Khối lượng gỗ các loại tròn, quy tròn	m3				
-	Đối với gốc, rễ - khối lượng:	tấn				
-	Đối với củi	Ster				
-	Lâm sản ngoài gỗ	kg				
-	Đối với động vật hoang dã: - Số lượng hoặc	Con				
	- Trọng lượng	Kg				
	Phương tiện tạm giữ: - ô tô	chiếc				
	- xe máy cầy	chiếc				
	- xe máy	chiếc				
8	Tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật	Vụ	1	2	-	1
-	Khối lượng gỗ các loại tròn, quy tròn	m3				
-	Lâm sản ngoài gỗ	kg				
-	Đối với động vật hoang dã:	Con				
9	Vi phạm các quy định về chi trả dịch vụ môi trường rừng	vụ				
III	**Hành vi chống đối người thi hành công vụ**	**Vụ**				
IV	**Đối tượng vi phạm**					
	Cá nhân	Vụ				
	Không xác định được đối tượng	Vụ				
	Doanh nghiệp nhà nước	Vụ				
	Doanh nghiệp tư nhân	Vụ				
V	**Đơn vị phát hiện**					
1	Kiểm lâm trực tiếp phát hiện.	Vụ				
2	Cơ quan Công an phát hiện.	Vụ				
3	Liên ngành phát hiện	Vụ				
4	Chính quyền xã phát hiện	Vụ				
5	Chủ rừng phát hiện (Lâm trường, công ty ...)	Vụ				
6	Các CQ khác phát hiện (QLTT, QĐội, Thuế ...)	Vụ				
B	**TÌNH HÌNH XỬ LÝ VI PHẠM (Tổng số vụ đã xử lý)**	**Vụ**	**6**			
I	**Đã xử lý hành chính; Trong đó:**	**Vụ**	**6**			

Stt	NỘI DUNG	ĐVT	Từ đầu năm 2026 đến nay	Cùng kỳ năm 2025	So sánh (+ tăng, - giảm)	Ghi chú
II	**Xử lý hình sự**	**vụ**				
1	**Cơ quan khởi tố**					
-	Kiểm lâm khởi tố	vụ				
-	Công an khởi tố	vụ				
2	**Hành vi VP Điều luật HS, trong đó:**	vụ				
a	VP các QĐ về khai thác & BVR (Đ 232)	Vụ				
-	Khối lượng gỗ các loại tròn, quy tròn	m3				
b	**Huỷ hoại rừng (Đ 243)**	**Vụ**				
-	Diện tích, trong đó:	ha				
c	**VP qui định về PCCC (Đ 313)**	**Vụ**				
d	**VP QĐ về QL,BVĐV nguy cấp quý hiếm (Đ244)**	**Vụ**				
-	Số lượng	con				
4	**Truy tố, đưa ra xét xử**	**Vụ**				
-	Số bị cáo	Người				
-	Tù giam	Tháng				
-	Tù cho hưởng án treo	Tháng				
III	**Xử lý khác**	**Vụ**				
	Nguyên nhân					
IV	**Số vụ tồn chuyển qua tháng sau.**	Vụ	1			
C	**THẨM QUYỀN XỬ LÝ & T.LÝ T.VẬT T.THU**					
I	**Cơ quan xử lý:**	Vụ				
-	Kiểm lâm xử lý	Vụ	6			
-	Tham mưu UBND xã xử lý	Vụ				
-	Tham mưu UBND tỉnh xử lý	Vụ				
II	**Hình thức xử lý chính**					
-	Phạt tiền	Vụ	X			
-	Tịch thu lâm sản, phương tiện	Vụ	X			
III	**Tổng tang vật, phương tiện tịch thu**					
1	**Tổng khối lượng lâm sản tịch thu theo QĐ quy tròn**	m3	14.147			
	Khối lượng lâm sản tịch thu theo QĐ quy tròn					
-	Củi	Ster				
-	Lâm sản ngoài gỗ	kg				
-	Đối với động vật hoang dã: - Số lượng hoặc	Con				
	- Trọng lượng	Kg				
2	**Phương tiện, dụng cụ tịch thu theo quyết định**		Không			
-	Xe ô tô	chiếc				
-	Xe máy	chiếc				
-	Cưa xăng,...	chiếc				
-	Công cụ thủ công: Dao, rựa, cưa tay...	chiếc				
D	**Tiền phạt, tiền bán LS, PT tịch thu**					
1	Tổng số phải thu theo quyết định xử phạt	Đồng	33,250,000			
	Đã nộp:	Đồng	33,250,000			
	Chưa nộp	Đồng				
2	Tiền bán lâm sản phương tiện tịch thu	Đồng	Không			